

Bản án số: 69/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29-11-2022

V/v: Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con  
chung Khoa – Hằng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Vũ Thị Thúy và ông Phan Văn Tiến

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Tình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 94/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Đỗ Đăng K**, sinh năm 1974;

- Bị đơn: Chị **Đỗ Thị H**, sinh năm 1981;

Đều có địa chỉ: Thôn Tr, xã T1, huyện T, tỉnh Thái Bình.

*(Anh K đơn xin xét xử vắng mặt, chị H vắng mặt lần 2 không có lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2022, bản tự khai, các đơn đề nghị và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đỗ Đăng K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đỗ Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1 (nay là xã T1), huyện T, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/11/1999. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 12 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo anh K thì nguyên nhân do vợ chồng bắt đầu bất đồng quan điểm sống nên tình cảm càng ngày càng xa cách, do mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng nên anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay, mỗi người một nơi không thể hoà hợp. Từ lúc ly thân đến nay vợ chồng không quan tâm, liên lạc với nhau. Đến nay, anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được,

cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, anh làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con chung: Anh chị có ba con chung là các cháu Đỗ Thị Tú A, sinh ngày 05/4/2000, cháu Đỗ Thị Thuý A1, sinh ngày 18/5/2003 và cháu Đỗ Minh Ng, sinh ngày 06/3/2013. Các cháu Đỗ Thị Tú A và Đỗ Thị Thuý A1 đã trưởng thành và khỏe mạnh nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu Đỗ Minh Ng hiện nay đang ở cùng với anh, ly hôn anh có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con Ng và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có nợ chung và anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị Đỗ Thị H nhiều lần, tuy nhiên chị H không đến Tòa án làm việc. Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy đã tiến hành tổng đạt trực tiếp và hợp lệ theo quy định của pháp luật các văn bản tố tụng cho chị H ở gia đình tại thôn Tr, xã T1, huyện T, tỉnh Thái Bình, chị H đã biết được nội dung của những văn bản của Tòa án tuy nhiên không đến Tòa án làm việc, không trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án. Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại biên bản xác minh ngày 16/9/2022, Ủy ban nhân dân xã và Công an xã T1, huyện T cùng đại diện cơ sở thôn cung cấp như sau:

Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1981 có hộ khẩu thường trú tại thôn Tr, xã T1, huyện T, tỉnh Thái Bình, số chứng minh nhân dân 1513971xx do Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 24/6/2014, số căn cước công dân 034181023xxx là công dân của xã t1 được xác định là bị đơn trong vụ án xin ly hôn với anh Đỗ Đăng K mà Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy đang thụ lý giải quyết. Anh K và chị H có tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1 (nay là xã T1), huyện T, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/11/1999. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H đi lao động ở nước ngoài, vợ chồng sống xa nhau nên nảy sinh khác biệt về cách sống, vợ chồng không thể dung hoà được với nhau. Khi chị H chấm dứt hợp đồng lao động ở nước ngoài về Việt Nam thì mâu thuẫn vợ chồng càng ngày càng trở nên trầm trọng. Đến khoảng cuối năm 2019 thì vợ chồng sống ly thân, theo thông tin địa phương được biết vợ chồng anh chị có xảy ra tình trạng đánh cãi nhau còn nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể thì địa phương không nắm được. Quan điểm của Ủy ban nhân dân xã T1 về việc anh K xin ly hôn chị H là đề nghị Tòa án hòa giải để hai vợ chồng đoàn tụ, còn trong trường hợp mâu thuẫn đã quá trầm trọng vì các bên đương sự đã sống ly thân quá lâu và anh K kiên quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Vợ chồng anh K và chị H có ba con chung là các cháu Đỗ Thị Tú A, sinh ngày

05/4/2000, cháu Đỗ Thị Thuý A1, sinh ngày 18/5/2003 và cháu Đỗ Minh N, sinh ngày 06/3/2013. Địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật và nguyện vọng của các con để giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Hiện nay không có thông tin phản ánh tại địa phương về việc anh K và chị H có vay nợ tổ chức, cá nhân nào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị H mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ, biết việc anh K xin ly hôn anh; được Tòa án tổng đạt các văn bản nhưng chị không trình bày ý kiến, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình xử cho anh Đỗ Đăng K được ly hôn chị Đỗ Thị H; Về quan hệ con chung Đỗ Thị Tú A, sinh ngày 05/4/2000 và Đỗ Thị Thuý A1, sinh ngày 18/5/2003 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết; Giao con chung Đỗ Minh Ng, sinh ngày 06/3/2013 cho anh K trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, chấp nhận việc anh K không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Chị H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật; Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh K không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Anh K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã T1, huyện T, tỉnh Thái Bình, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, anh Đỗ Đăng Khoa có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Đỗ Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh K và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1 (nay là xã T1), huyện T, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 23/11/1999. Tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ

chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo anh K trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên tình cảm càng ngày càng xa cách, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng nên anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay, mỗi người một nơi không thể hoà hợp, từ đó đến nay anh chị không hỏi han nhau cũng không có biện pháp gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân. Hiện nay, cả hai đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau và anh cho rằng mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, anh kiên quyết xin được ly hôn chị H. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành gửi các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật cho chị H, chị H đã biết được việc anh K xin ly hôn nhưng không đưa ra quan điểm, nguyện vọng giải quyết hàn gắn quan hệ hôn nhân với anh K, không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm cũng như tìm các biện pháp để hòa giải vợ chồng thể hiện việc chị H không tha thiết với việc hàn gắn tình cảm gia đình. Qua xác minh tại địa phương nơi anh K và chị H cùng sinh sống trước khi ly thân xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa hai bên là có thật, có tình trạng vợ chồng đánh cãi nhau và ly thân từ năm 2019. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh K và chị H đã ở mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh K để vợ chồng đoàn tụ cũng không thành và sẽ làm cho mâu thuẫn thêm trầm trọng, cần xử cho anh K được ly hôn chị H là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Anh K và chị H có ba con chung là các cháu Đỗ Thị Tú A, sinh ngày 05/4/2000, cháu Đỗ Thị Thuý A1, sinh ngày 18/5/2003 và cháu Đỗ Minh Ng, sinh ngày 06/3/2013. Cháu Tú A và Thuý A1 hiện nay khỏe mạnh và đã trưởng thành nên anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Cháu Đỗ Minh Ng hiện đang ở cùng với anh K. Ly hôn anh K có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ng và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi cháu Ng. Xét nguyện vọng của cháu Ng muốn được ở với bố cũng như để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển mọi mặt của cháu Ng do từ trước đến nay cháu vẫn được anh K chăm sóc, nuôi dưỡng và đang phát triển bình thường, khỏe mạnh cả về thể chất lẫn tinh thần, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần xử giao con chung Đỗ Minh Ng cho chị anh K trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận việc anh Khoa không yêu cầu chị Hằng phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh K và chị H không có nợ chung, anh không yêu cầu giải quyết về tài sản, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản.

[6] Về án phí: Anh K phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh K và chị H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho anh Đỗ Đăng Kh được ly hôn chị Đỗ Thị H.

**2. Về con chung:** Hai con Đỗ Thị Tú A, sinh ngày 05/4/2000 và Đỗ Thị Thuý A1, sinh ngày 18/5/2003 đều đã trưởng thành và khoẻ mạnh nên không đặt ra giải quyết. Giao cho anh Đỗ Đăng K trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đỗ Minh Ng, sinh ngày 06/3/2013. Anh K không yêu cầu chị Hằng cấp dưỡng nuôi con chung. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con chung theo quy định của pháp luật.

**3. Về tài sản chung:** Không đặt ra giải quyết.

**4. Về án phí:** Anh Đỗ Đăng K phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000đ anh K đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004221 ngày 17/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí.

**5. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*Nơi nhận:*

- Các đương sự
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- UBND xã T1;
- Lưu HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Thị Xuân Quỳnh**